

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **80/2019/DS-ST**

Ngày: 23/9/2019

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP.BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Vũ Văn Đức

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Trung và ông Lê Phúc Tiếng

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Nguyễn Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 617/2018/TLST-DS ngày 12/12/2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2019/QĐXXST-DS ngày 07/8/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 89/2019/QĐST-DS ngày 26/8/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N

Địa chỉ: Số X, đường Tr, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Ngọc H - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Đ.

Địa chỉ: Số Y, đường Tr, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người được uỷ quyền lại: Ông Trần Th - Chức vụ: Trưởng phòng Giao dịch Th - Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Đ. (Có mặt)

Địa chỉ: Km Z, quốc lộ K, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Đức T, sinh năm: 1965. (Có mặt)

2. Bà Đỗ Thị L, sinh năm: 1968. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Đức C, sinh năm: 1999. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Trần Th trình bày:***

Ông Nguyễn Đức T, bà Đỗ Thị L thỏa thuận, ký kết hợp đồng tín dụng số 17/253/NBP/NHNT ngày 15/12/2017 với Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Đ - Phòng giao dịch Th (viết tắt là Ngân hàng N) để vay vốn với số tiền 200.000.000 đồng; Mục đích vay: Tiêu dùng, sửa chữa nhà ở; Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay; Lãi suất: 06 tháng đầu kể từ ngày nhận nợ đầu tiên áp dụng lãi suất 7%/năm, sau đó áp dụng laaxi suất 10,5%/năm; Lãi suất áp dụng với dư nợ gốc bị quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Khoản vay nói trên được đảm bảo bởi hợp đồng thế chấp số 17/253/NBP/HĐTC ngày 05/12/2017 ký giữa Ngân hàng N và ông Nguyễn Đức T, bà Đỗ Thị L, tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất (viết tắt QSD đất) và tài sản gắn liền trên đất có diện tích 4.066,1m² thuộc thửa đất số 497, tờ bản đồ số 21, tại thị trấn E, huyện C, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (viết tắt GCNQSD đất) số CL 137246 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 25/9/2017 cho hộ ông Nguyễn Đức T.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T bà L đã vi phạm thời hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi và toàn bộ khoản vay trên đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 11/9/2018. Ngân hàng N đã nhiều lần nhắc nhở, có văn bản yêu cầu ông T bà L thực hiện nghĩa vụ trả nợ, yêu cầu giao tài sản cho ngân hàng xử lý thu hồi nợ. Tuy nhiên ông T bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho ngân hàng mà cố tình trốn tránh, không hợp tác gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ngân hàng, gây khó khăn trong quá trình xử lý, thu hồi nợ xấu của ngân hàng.

Ngày 05/11/2018, Ngân hàng N buộc phải khởi kiện ra Tòa án yêu cầu ông T bà L trả nợ số tiền 208.782.328 đồng, trong đó: Nợ gốc là 200.000.000 đồng, nợ lãi là 8.782.328 đồng (tạm tính đến ngày 05/11/2018) và toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh cho đến khi ông T bà L thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng. Nếu ông T bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 17/253/NBP/HĐTC ngày 05/12/2017 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Đồng thời Ngân hàng N đề nghị: Trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc sở hữu của ông T bà L để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T đã tự nguyện thanh toán một phần nợ gốc với số tiền là 199.000.000 đồng và ngân hàng đã có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, Ngân hàng N thay đổi nội dung khởi kiện và chỉ yêu cầu ông T bà L thực hiện nghĩa vụ trả nợ toàn bộ số tiền 25.755.705 đồng (trong đó: Nợ

gốc là: 1.000.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 12/06/2019 là: 24.755.705 đồng) và toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh cho đến khi ông T bà L thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng nêu trên. Trường hợp ông T bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông T bà L theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 17/253/NBP/HĐTC ngày 05/12/2017 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

**** Bị đơn - ông Nguyễn Đức T trình bày:***

Ngày 05/12 và ngày 15/12/2017 vợ chồng tôi (Nguyễn Đức T, Đỗ Thị L) có ký hợp đồng tín dụng số 17/253/NBP/NHNT và hợp đồng thế chấp số 17/253/NBP/HĐTC với Ngân hàng N để vay vốn với số tiền 200.000.000 đồng, mục đích vay: Tiêu dùng, sửa chữa nhà cửa, thời hạn vay là 11 tháng, tài sản thế chấp là QSD đất và tài sản gắn liền với đất theo GCNQSD đất số CL 137246 cấp ngày 25/9/2017 đối với diện tích đất 4.66m² thửa đất số 497, tờ bản đồ số 21 địa chỉ tại thị trấn E, huyện C. Quá trình thực hiện hợp đồng do bà L đã bỏ nhà đi (không biết đi đâu) nên chúng tôi đã vi phạm thời hạn thanh toán dẫn đến ngân hàng khởi kiện.

Quá trình giải quyết vụ án tôi đã thanh toán được 199.000.000 đồng nợ gốc. Tại phiên tòa ngân hàng thay đổi nội dung yêu cầu vợ chồng tôi trả nợ 25.755.705 đồng tạm tính đến ngày 12/06/2019 và toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh tiếp theo theo hợp đồng tín dụng thì tôi đồng ý. Tuy nhiên do không có khả năng trả nợ và không tự xử lý tài sản thế chấp được nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với bà Liễu (vợ tôi) đã bỏ nhà đi từ lâu không về, còn ông C (con trai tôi) đi làm xa nên không tham gia tố tụng được. Đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà L và ông C.

**** Bị đơn - bà L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - ông C vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.***

**** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp Buôn Ma Thuột phát biểu như sau:***

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 244, khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

Căn cứ các Điều 466, 467, 468, 470 BLDS năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị HĐXX: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng N, buộc ông T bà L thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc là: 1.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

Trường hợp ông T bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông T bà L theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 17/253/NBP/HĐTC ngày 05/12/2017 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần yêu cầu đã rút với số tiền là 199.000.000 đồng.

Về án phí: Ông T bà L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. **Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:** Căn cứ nội dung khởi kiện của nguyên đơn và việc xác nhận của bị đơn - ông T, căn cứ hồ sơ vụ án thì quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”; Bị đơn có nơi cư trú tại TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** Quá trình giải quyết, xét xử vụ án bị đơn - bà L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - ông C vắng mặt do đó căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX giải quyết vắng mặt bà L, ông C.

[3] **Về nội dung:** Căn cứ hồ sơ khởi kiện của nguyên đơn và việc xác nhận của bị đơn - ông T; Căn cứ Kết luận giám định số 42/PC9 ngày 2/5/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk đối với chữ viết, chữ ký của bà L thể hiện:

Ông T bà L có ký kết hợp đồng tín dụng số 17/253/NBP/NHNT ngày 15/12/2017 vay số tiền 200.000.000 đồng của Ngân hàng N để sửa chữa nhà ở, thời hạn vay: 12 tháng. Tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp số 17/253/NBP/HĐTC ngày 05/12/2017, gồm QSD đất và tài sản gắn liền trên đất có diện tích 4.066,1m² thuộc thửa đất số 497, tờ bản đồ số 21, tại thị trấn E, huyện C, theo GCNQSD đất số CL 137246 cấp ngày 25/9/2017 cho hộ ông Nguyễn Đức T.

Xét quan hệ pháp luật dân sự giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 463 BLDS năm 2015 và Điều 91 Luật tổ chức tín dụng. Vì vậy quyền và nghĩa vụ của các bên được pháp luật bảo vệ. Bị đơn đã không thực hiện việc trả nợ như cam kết và cũng không tự nguyện xử lý tài sản thế chấp để thanh toán nợ cho Ngân hàng là vi phạm hợp đồng tín dụng, vi phạm hợp đồng thế chấp, vi phạm Điều 466 BLDS năm 2015. Việc nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên cần xem xét giải quyết.

Xét việc nguyên đơn - Ngân hàng N đã thay đổi, rút một phần nội dung khởi kiện là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên cần chấp nhận, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần yêu cầu đã rút với số tiền là 199.000.000 đồng.

Từ những nhận định trên, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện đã thay đổi của nguyên đơn:

- Buộc bị đơn - ông T bà L trả cho Ngân hàng N số tiền 25.755.705 đồng (trong đó: Nợ gốc là: 1.000.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 12/06/2019 là: 24.755.705 đồng) và toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh cho đến khi ông T bà L thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng nói trên.

- Trường hợp ông T bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông T bà L theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 17/253/NBP/HĐTC ngày 05/12/2017 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

[4]. Về chi phí giám định chữ ký: Quá trình giải quyết vụ án, do bà L vắng mặt nên nguyên đơn đã yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà L trong hồ sơ vay vốn để có căn cứ giải quyết vụ án. Kết quả giám định chữ ký, chữ viết là của bà L. Do đó bị đơn phải chịu 5.040.000 đồng tiền chi phí giám định chữ ký; Nguyên đơn được nhận lại 5.040.000 đồng tiền tạm ứng chi phí giám định đã nộp, sau khi thu được của bị đơn.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bị đơn - ông T bà L phải chịu 1.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đã nộp, sau khi thu được của bị đơn.

[6] Về án phí: Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; Bị đơn - ông T bà L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 161, 227, 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện đã thay đổi, bổ sung của nguyên đơn - Ngân hàng N.

Buộc bị đơn - ông Nguyễn Đức T và bà Đỗ Thị L trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền 25.755.705 đồng (trong đó: Nợ gốc là: 1.000.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 12/06/2019 là: 24.755.705 đồng) và toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh cho đến khi ông Nguyễn Đức T và bà Đỗ Thị L thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng nói trên.

Trường hợp ông Nguyễn Đức T và bà Đỗ Thị L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nói trên thì Ngân hàng TMCP N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 17/253/NBP/HĐTC ngày 05/12/2017 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP N đối với số tiền là 199.000.000 đồng.

3. Về chi phí giám định chữ ký:

Ông Nguyễn Đức T và bà Đỗ Thị L phải chịu 5.040.000 đồng tiền chi phí giám định chữ ký;

Ngân hàng TMCP N được nhận lại 5.040.000 đồng tiền tạm ứng chi phí giám định đã nộp, sau khi thu được của Nguyễn Đức T và bà Đỗ Thị L.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Ông Nguyễn Đức T và bà Đỗ Thị L phải chịu 1.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ;

Ngân hàng TMCP N được nhận lại 1.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đã nộp, sau khi thu được của ông Nguyễn Đức T và bà Đỗ Thị L.

5. Về án phí:

Ngân hàng TMCP N được nhận lại số tiền 5.219.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai 0008629 ngày 10/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Nguyễn Đức T và bà Đỗ Thị L phải nộp 1.288.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thành phố Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS TP.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký, đóng dấu)

Vũ Văn Đức